

## QUAN NIỆM CỦA I. CANTƠ VỀ NIỀM TIN TÔN GIÁO VÀ VAI TRÒ CỦA Ý THỨC ĐẠO ĐỨC TRONG VIỆC TẠO DỰNG NIỀM TIN CHO CON NGƯỜI

ĐẶNG HỮU TOÀN (\*)

**T**riết gia vĩ đại người Đức *Imanuen Cantơ* (1724 - 1804) đã đi vào lịch sử triết học nhân loại với tư cách người sáng lập nền triết học cổ điển Đức, người tạo nên “bước ngoặt Copécnic” trong lịch sử tư tưởng triết học nhân loại bằng một hệ thống triết học độc đáo - triết học “phê phán” hay chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm, bằng một phép biện chứng cũng độc đáo như vậy - phép biện chứng tiên nghiệm, phép biện chứng mà với nó, ông đã đặt dấu chấm hết cho sự tồn tại của phương pháp tư duy siêu hình từng thống trị tư tưởng Tây Âu suốt hai thế kỉ XVII - XVIII. Không chỉ thế, với bộ ba tác phẩm “Phê phán” đã trở thành bất hủ - *Phê phán lí tính thuần túy* (1781), *Phê phán lí tính thực tiễn* (1788), *Phê phán năng lực phán đoán* (1790), và đặc biệt là với *Tôn giáo chỉ tồn tại trong khuôn khổ của lí tính* (1794) - tác phẩm lớn cuối cùng, kết thúc 20 năm tiến hành một sự nghiệp mà không một nhà triết học nào trước đó có được - sự nghiệp “phê phán lí tính”, I. Cantơ đã đưa ra một quan niệm cũng hết sức độc đáo về *niềm tin tôn giáo* và *vai trò của ý thức đạo đức trong việc tạo dựng niềm tin cho con người*.

ông với hi vọng góp phần cùng độc giả làm rõ tính độc đáo của nó.

Nói đến quan niệm của I. Cantơ về niềm tin tôn giáo và vai trò của ý thức đạo đức trong việc tạo dựng niềm tin cho con người, trước hết chúng tôi muốn lưu ý rằng, tư tưởng chủ đạo, nội dung cơ bản của tác phẩm được coi là điểm kết thúc sự nghiệp “phê phán lí tính” của triết gia vĩ đại người Đức này đã thể hiện một khát vọng lớn lao của ông - khát vọng hạn chế khả năng của nhận thức lí luận mang tính khách quan để bảo vệ cho quyền lực tối cao của niềm tin và sự nhận thức duy lí - trực giác về Thượng Đế. Trong lời tựa viết cho lần xuất bản thứ hai tác phẩm *Phê phán lí tính thuần túy*, khi nói về nội dung của tác phẩm lớn cuối cùng trong sự nghiệp sáng tạo của mình, chính I. Cantơ đã thừa nhận: “Tôi đã buộc phải hạn chế (anfheben - lột bỏ, xoá bỏ) *tri thức* để giải phóng và tạo chỗ đứng cho *niềm tin*”<sup>(1)</sup>.

Lời thừa nhận đầy ẩn ý nhưng cô đọng đó không hoàn toàn chuẩn xác, chưa đủ lột tả thế giới quan và quan niệm của I. Cantơ về niềm tin tôn giáo. Khi tiến hành “phê phán lí tính”, I. Cantơ đã

\*. PGS.TS. Viện Triết học.

1. I. Cantơ. *Tác phẩm gồm 6 tập. Tập 3*. Nxb Tư tưởng. Mátxcova 1964, tr.95. (Tiếng Nga)

Kỉ niệm 280 năm ngày sinh, 200 năm ngày mất của I. Cantơ, trong bài viết này, chúng tôi chỉ nói về quan niệm đó của



không hề “hạn chế” cũng không hề “xoá bỏ” bất kì một thành tựu thực sự nào của tri thức khoa học đương thời. Bất kì ai đã từng đọc các tác phẩm của I. Cantor đều dễ dàng nhận thấy rằng, đối với những thành tựu đó, ông thể hiện hoàn toàn không phải với tư cách kẻ buộc tội, mà ngược lại, với tư cách người bảo vệ, người biết phân biệt và bảo vệ một cách đáng thuyết phục chính những cái có giá trị lí luận vĩnh hằng. Sự “phê phán” của I. Cantor không hẳn chĩa vào “lí tính” con người như nó đang được thực hiện trong nghiên cứu khoa học, mà chủ yếu là chĩa vào “những thiên kiến của chủ nghĩa duy lí”, vào “sự tự nghi ngờ, tự lòi cuốn mình của lí tính” con người. I. Cantor chỉ phê phán, đả phá quan niệm mang tính tư tưởng hệ về khoa học xuất hiện ở thế kỉ XVII - XVIII dưới ảnh hưởng sâu nặng của lối tư duy siêu hình, của cách tiếp cận tư biện thuần tuý, quan niệm mà sau này được phổ biến rộng rãi nhưng không phải ở thời đại của I. Cantor, mà ở thời đại chúng ta. Ông kiên quyết chống lại niềm tin cho rằng mọi vấn đề xuất hiện trong bối cảnh đời sống cá nhân của con người đều có thể được giải quyết bằng những phương tiện lí luận - khoa học.

Chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm, triết học “phê phán” của I. Cantor càng phát triển sâu hơn thì chúng ta càng thấy rõ hơn khuynh hướng chủ đạo của nó - chĩa mũi nhọn chống lại khát vọng đưa vào khoa học những ý đồ nhận thức luận đã được hình thành trong thời kì thống trị tuyệt đối của tôn giáo. I. Cantor đã đưa ra một “mệnh lệnh triết học” cấm mọi mưu toan sử dụng các thành tựu khoa học để đáp ứng các nhu cầu tinh thần mà hàng thế kỉ đã bắt con người phải tìm kiếm chỗ

dựa ở tri thức ma thuật, mang tính chất tiên tri và linh cảm. Để cản trở và ngăn không cho sự đáp ứng các nhu cầu đó giữ mãi địa vị thống trị độc tôn của nó, I. Cantor đã xây dựng *thuyết bất khả tri* - học thuyết về tính không thể nhận thức được thế giới các “vật tự nó” nằm “ngoài khuôn khổ của kinh nghiệm có thể có” của con người. Ở đây, cần lưu ý rằng, càng phát triển hơn nữa thuyết bất khả tri đó, I. Cantor càng bộc lộ rõ hơn khuynh hướng *chống chủ nghĩa phi duy lí* của mình, càng phê phán một cách gay gắt hơn nữa mưu toan dựa vào khoa học (bằng con đường trực giác thần thoại, linh cảm), vào tri thức về cái không thể biết. Chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm, triết học “phê phán” của I. Cantor thuyết phục con người hãy tin rằng, đối với các vấn đề mà lí luận khoa học có quyền né tránh, thì nói chung không thể đưa ra lời lí giải xứng đáng với tên gọi “các chân lí đã được chứng minh”. Với những luận giải hết sức độc đáo và cũng rất khó hiểu với nhiều người, ông gieo vào đời sống con người chính cái niềm tin mà tri thức có thể đem lại cho con người.

Trái với hi vọng của các nhà thần học Đức đương thời, - những người hi vọng rằng trong chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm, trong triết học “phê phán”, I. Cantor sẽ chỉ ra các chân lí hiển nhiên, mang tính linh cảm - trong tác phẩm “phê phán” thứ hai của mình - *Phê phán lí tính thực tiễn* - I. Cantor lại đặt lên hàng đầu *tính xác thực hiển nhiên của ý thức đạo đức*. Ở đây, ý thức đạo đức được I. Cantor gán cho sứ mệnh vinh quang - *giải phóng niềm tin tôn giáo*. Với tác phẩm này, người đọc có thể tin rằng, thuyết bất khả tri của I. Cantor không



hoàn toàn giống như thuyết bất khả tri của Đ. Hium. Rằng bản thân tính bất khả tri của tồn tại chỉ hiện diện đối với I. Cantơ trong khuôn khổ của một tri thức bất biến về cái Thiện và cái Ác, về cái đạo đức mà mọi người bất buộc phải tuân theo, về cái đạo đức không thể có trong thế giới quan tôn giáo hiện tồn.

I. Cantơ đặt câu hỏi: Lẽ nào lại cần phải có đức tin ở chính nơi đã vốn có đức tin, và lẽ nào nhu cầu về đức tin lại có thể được đáp ứng bởi thế giới quan tôn giáo hiện tồn, bởi thế giới quan tôn giáo hiện hữu trong lịch sử? Trả lời những câu hỏi này, I. Cantơ đã trình bày theo một cách hoàn toàn mới nhiệm vụ luận chứng về phương diện triết học cho tôn giáo - đặt tôn giáo trước toà án của ý thức đạo đức.

Bản thân lôgic nghiệt ngã của vấn đề này đã biến sự "phê phán lí tính" của I. Cantơ thành sự phân tích đạo đức về thế giới quan tôn giáo hiện tồn và buộc ông phải tiến hành công việc mà lúc đầu, ông chưa ý thức được sự cần thiết vốn có của nó. Không phải tôn giáo "tồn tại ngoài khuôn khổ của lí tính", mà "tôn giáo chỉ tồn tại trong khuôn khổ của lí tính" - đó là vấn đề mà I. Cantơ đặt ra cho sự "phê phán lí tính" của mình.

Điều cần lưu ý ở đây là, chính trong quá trình phân tích thế giới quan tôn giáo, "triết học phê phán" của I. Cantơ đã buộc phải đưa ra những lời phán quyết về hi vọng tìm kiếm các chân lí hiển nhiên của các nhà thần học Đức đương thời. Các nhà thần học Đức đã hi vọng rằng, bên ngoài "thế giới kinh nghiệm" không xác định và mâu thuẫn luôn có vấn đề không thể bác bỏ được. Trong *Phê phán lí tính thực tiễn*, I. Cantơ đã phát hiện ra rằng,

bức tranh tôn giáo về thế giới là một mớ lộn xộn đầy những mâu thuẫn và bí ẩn. Hơn nữa, những mâu thuẫn và bí ẩn đó, theo ông, luôn làm cho điều quan trọng nhất - "lối tư duy có đạo đức" - trở nên quá mức đối với mọi tín đồ. *Phê phán lí tính thực tiễn* của I. Cantơ không đem lại cho các nhà thần học Đức đương thời thứ triết học mà ở đó, có "sự biện hộ cho niềm tin tôn giáo một cách không cần phải rào đón", nó chỉ đem lại cho họ thứ triết học thể hiện kẻ thù đạo đức lâu đời, khó có thể "đánh gục" của chủ nghĩa tín ngưỡng.

Có thể nói rằng, trong học thuyết của I. Cantơ không có chỗ đứng cho thứ niềm tin có thể thay thế được tri thức, có thể bổ sung cho tính chưa đầy đủ và chưa hoàn hảo của tri thức. "Triết học phê phán" của I. Cantơ bác bỏ mọi loại niềm tin nảy sinh ra từ nhu cầu khắc phục tính không xác định của thế giới xung quanh và loại trừ cảm giác về tính không được đảm bảo của sự sống con người. Chính vì lẽ đó mà, một cách có ý thức hay không có ý thức, "triết học phê phán" của I. Cantơ nói chung, tác phẩm *Tôn giáo chỉ tồn tại trong khuôn khổ của lí tính* của ông nói riêng đã đứng ở phía bên kia trận tuyến với thần học, với các hình thức tôn giáo dựa trên niềm tin mù quáng.

I. Cantơ đã luận chứng cho một sự thật hiển nhiên, đó là niềm tin tôn giáo mà trong đại đa số trường hợp đã tự thể hiện trong lịch sử thành sự phục tùng một cách mù quáng các bậc tiên tri, các đấng siêu phàm. Chủ nghĩa tín ngưỡng, theo ông, đó là sự toan tính đến đại đột, còn niềm tin vốn có của tín đồ, qua mọi kiểm nghiệm, bao giờ cũng chỉ là thứ niềm tin yếu đuối vào sự linh cảm (thứ



niềm tin tin rằng, có ai đó và ở đâu đó đang hay đã có một lí tính vượt ra ngoài những khả năng hiện thực của lí tính).

Khi phê phán thứ niềm tin tôn giáo đó, I. Cantơ vẫn giữ lại phạm trù “niềm tin” trong học thuyết của mình và đã đưa ra một quan niệm triết học mới về nó khác với các quan niệm đã có trong thần học và trong tâm lí học truyền thống.

I. Cantơ đặt ra cho “triết học phê phán” của mình mục đích tối cao là xác định bản chất con người trong mối quan hệ “con người - tự nhiên”, đem lại cho con người một cách nhìn nhận mới về thế giới, về chính bản thân mình, đưa con người tới tự do và hạnh phúc. Và, để đạt được mục đích này, theo ông, nó cần phải lí giải các vấn đề: “Tôi có thể biết được cái gì? Tôi cần phải làm gì? Tôi có thể hi vọng vào cái gì?”<sup>(2)</sup>.

Khi lí giải vấn đề “Tôi có thể hi vọng vào cái gì?”, I. Cantơ đã đưa ra một quan niệm độc đáo về niềm tin. Ông cho rằng, hi vọng khác với niềm tin ở chỗ, hi vọng không bao giờ là sự khích lệ tự nó, tồn tại trước hành động và quy định mọi sự lựa chọn. Ở đâu mà hi vọng trở thành nguồn gốc của các giải pháp thực tiễn thì ở đó, bao giờ nó cũng hoặc là *niềm hi vọng*, hoặc là *niềm tin mù quáng* thay thế “một cách lén lút” cho tri thức mà về thực chất là cái có khả năng. Hi vọng là “cái có thể tha thứ được”, vì đó là nguồn an ủi của con người, nhưng với tư cách là sức mạnh khích lệ con người, nó luôn đòi hỏi phải có sự phê phán và thái độ thận trọng nhất đối với chính nó. Rằng, mọi hi vọng mang tính cảm tính một khi trở thành khát vọng sẽ chỉ đưa con người tới chỗ hưởng thụ cá nhân, vị kỉ, phi đạo đức. Kể cả “lí

tính có học thức” một khi chỉ biết “đắm mình vào tư tưởng về một cuộc sống hưởng thụ và hạnh phúc cá nhân” sẽ chỉ khiến cho con người “ngày càng xa rời sự mãn nguyện chân chính”<sup>(3)</sup>. Và do vậy, mỗi con người, theo I. Cantơ, đều phải có nghĩa vụ làm cho hi vọng chân chính, hiện thực của mình phát huy được sức mạnh vốn có của nó.

Nên lưu ý rằng, khi đặt ra những vấn đề cần giải quyết - những vấn đề mà nhờ đó, triết học I. Cantơ khác với triết học truyền thống (triết học tư biện) - I. Cantơ cho rằng con người không có quyền đặt ra vấn đề “Tôi cần phải làm gì?” khi chưa tìm ra câu trả lời xác đáng cho vấn đề “Tôi có thể biết được cái gì?”. Bởi lẽ, một khi đã không hiểu được giới hạn của tri thức đích thực, thì con người không bao giờ có thể đánh giá được ý nghĩa độc lập, chân chính của bốn phạm và của sự lựa chọn đạo đức tuyệt đối. Con người sẽ mắc sai lầm còn nghiêm trọng hơn nữa, nếu nó biến câu trả lời cho vấn đề “Tôi có thể hi vọng vào cái gì?” thành điều kiện để giải quyết vấn đề “Tôi cần phải làm gì?”, tức là khi biến niềm tin thành tiền đề cho bốn phạm.

Đây là điểm mấu chốt mà I. Cantơ đã dựa vào đó để đưa ra quan niệm triết học của mình về niềm tin. *Đôi tượng của niềm tin* (dù đó là Thượng Đế hay mục đích của lịch sử) *không thể là đôi tượng của sự toan tính, không thể là một định hướng nào đó mà mỗi cá nhân có thể kiểm soát được hành động của mình*. Trong hành động thực tiễn, con người phải trông cậy hoàn toàn vào ý thức hiện

2. I. Cantơ. Tập 3. Sdd, tr. 661.

3. I. Cantơ. Tập 4. Sdd, tr. 230.



hữu trong bản thân mình về “quy luật đạo đức”. *Niềm tin* với tư cách là *điều kiện cho con người lựa chọn hành động thực tiễn* sẽ làm cho “tính trong sạch” của động cơ đạo đức trở thành cái có khả năng hiện thực. I. Cantor cho rằng, nếu niềm tin tôn giáo có quyền tồn tại, thì nó chỉ tồn tại với tư cách là cái an ủi cho con người trước nỗi lo sợ và sự mạo hiểm trong những hành động của mình.

Theo I. Cantor, nhu cầu về *niềm tin đích thực* xuất hiện không phải vào thời điểm lựa chọn, mà là sau khi sự lựa chọn đã được tiến hành và đã xuất hiện vấn đề có hay không có cơ hội thắng lợi trong cách ứng xử tối đa mà người ta phải tuân thủ một cách vô điều kiện. Bản thân I. Cantor cũng cảm thấy rằng, trên thực tế, sự phân biệt đó khó có thể thực hiện được đối với người đang tin. Và, do không thể tránh khỏi cảm giác về sức mạnh vạn năng của Thượng Đế, nên niềm tin của con người vào sự tồn tại vĩnh hằng của Thượng Đế và sự bất tử của linh hồn nhanh chóng vượt ra khỏi cái khuôn khổ mà “triết học phân tích” muốn đưa nó vào. Thay cho sự tự an ủi bởi niềm tin đó (sử dụng nó chỉ như một hi vọng), một cách vô ý thức và thường xuyên, con người đã biến nó thành sự luận chứng trực tiếp cho các quyết định của mình. Và, khi đó, con người bắt đầu cảm nhận thấy mình là “chiến binh của đội quân thần thánh” mà thắng lợi mang tính toàn cầu của nó được bảo đảm bởi những lời tiên tri và tự biến mình thành tín đồ, thành những kẻ chỉ còn biết tưởng tượng một cách mù quáng vào kết cục tất yếu, tốt đẹp của cuộc đấu tranh vì cái thiện, chống lại cái ác, v.v...

Chắc chắn là, không phải ngẫu nhiên mà sự đánh giá những hi vọng tôn giáo của người sùng đạo ở I. Cantor lại thiếu quả quyết, thậm chí còn mập mờ, khó xác định như vậy. Trong quan niệm của ông, những hi vọng tôn giáo đó là sự bắt buộc hay những “cái có thể tha thứ được” đối với con người đạo đức - con người nhận thấy ở những hi vọng tôn giáo đó nguồn gốc của tính kiên định đạo đức hay cái “giá đỡ mà nó cần dựa vào đó do sự yếu đuối bẩm sinh” của mình. Điều đó cho thấy, ở đây, I. Cantor cũng thể hiện “tính nước đôi” trong quan niệm của mình như V.I. Lênin nhận xét, song ông đã kiên quyết bác bỏ tính quy định của niềm tin tôn giáo đối với quyết định luận đạo đức.

Thật vậy, trong tác phẩm *Những ảo giác của giáo sĩ cần được làm sáng tỏ qua những ảo giác của nhà siêu hình học*, I. Cantor cho rằng, “sẽ là hợp lý hơn với bản chất con người và sự trong sạch của đạo đức, nếu luận chứng cho hi vọng vào thế giới tương lai dựa trên cảm giác của tâm hồn thanh tao, chứ không phải là luận chứng cho lối ứng xử tốt đẹp dựa trên hi vọng vào cuộc sống tương lai”<sup>(4)</sup>. Còn trong tác phẩm *Tôn giáo chỉ tồn tại trong khuôn khổ của lý tính*, thì tư tưởng đó được I. Cantor khái quát thành một công thức ngắn gọn: “*Tôn giáo dựa trên đạo đức, chứ không phải đạo đức dựa trên tôn giáo*”<sup>(5)</sup>.

Ở đây, trong tác phẩm mà I. Cantor đã dành nhiều công sức để nói về niềm tin tôn giáo và vai trò của ý thức đạo đức trong việc tạo dựng niềm tin cho con người, *đạo đức*, theo ông, *không đòi hỏi*

4. I. Cantor. Tập 2. Sđd, tr. 354.

5. I. Cantor. *Tôn giáo chỉ tồn tại trong khuôn khổ của lý tính*, Xanh Petecbua 1908, tr.6. (Tiếng Nga)



phải có sự luận chứng theo lối tôn giáo. Với tư cách là một nhà tư tưởng tôn giáo, I. Cantor đã tỏ thái độ không khoan dung đối với chủ nghĩa vô thần, song chính ông cũng là một trong những người phê phán và bác bỏ thế giới quan tôn giáo. I. Cantor bác bỏ tôn giáo không phải với tư cách là kẻ thù, mà là người bảo vệ nghiêm túc và thành tâm, người đề ra cho ý thức tôn giáo các yêu cầu đạo đức vượt quá sự đòi hỏi của nó. I. Cantor cũng là người nhiệt thành ủng hộ quan niệm về sự tồn tại của Thượng Đế mà niềm tin một khi được đặt vào đó, sẽ không hạn chế sự tự do của con người và cũng không tước đoạt của con người những phẩm hạnh đạo đức.

Như vậy, cái làm nên sự độc đáo trong quan niệm triết học về tôn giáo của I. Cantor là ở chỗ, ông đã khẳng định tính độc lập của ý thức đạo đức trong con người và cho rằng chỉ riêng nó là thích hợp với Thượng Đế (Thượng Đế đích thực). Thượng Đế, theo quan niệm của ông, xa lạ với bất kì biểu hiện nào của sự bạc nhược, sự nhẫn nhục và xu nịnh. Và, với ông, chỉ có những người không sợ hãi Thượng Đế và trước Thượng Đế không bao giờ hạ thấp phẩm giá của mình, không để cho Thượng Đế quyết định những hành vi đạo đức của mình, mới là những người có khả năng đặt niềm tin đích thực vào Thượng Đế.

Theo đó, có thể nói, dù muốn hay không muốn, tư tưởng này của I. Cantor đã bác bỏ tôn giáo hiện tồn. Nó đặt ra một cách nghiêm túc trước mọi tín đồ tôn giáo một câu hỏi mang tính phê phán: "Thực ra, tôi phải cầu cứu ai khi mà bản thân tôi luôn lo sợ, dao động, tìm kiếm sự chỉ dẫn, cầu xin, xu nịnh, toan tính?". Hàng triệu người đã và đang cầu xin như

vậy, song phải chăng sự cầu xin đó chỉ là tiếng gào thét của sự bất lực? Nếu Thượng Đế (Thượng Đế đích thực) tỏ ra xa lạ với sự yếu đuối về tinh thần, với sự bạc nhược và nhẫn nhục (trạng thái mà con người thường có khi hi vọng rằng họ đang tiếp xúc với Thượng Đế) thì phải chăng tất cả những cái đó là "đáng quân vương của sự tối tăm"? Hay phải chăng các đền thờ mà ở đó, con người hiện diện với nỗi sợ hãi, xấu hổ, cầu xin vô vọng chỉ là nơi trú ngụ của quỷ dữ? Bản thân I. Cantor đã không đưa ra các phương án đối lập nhau một cách gay gắt như vậy. Song, ông đã coi mọi hình thức hiện có của tôn giáo đều là sự tôn thờ thần tượng và, ở chừng mực mà chúng cho phép con người có sự nhẫn nhục và xu nịnh, có quan niệm về sự khoan dung, về ơn huệ của Thượng Đế, có sự giả dối mang tính an ủi, chúng sẽ đem lại cho con người niềm tin vào phép mầu nhiệm của Thượng Đế, khiến cho con người biết hi sinh vì Thượng Đế. I. Cantor khẳng định ông chỉ chấp nhận một luận điểm mà không cần tới một sự chứng minh nào cả. Đó là: "*Ngoài lối sống tốt đẹp, tất cả những gì mà con người giả định phải làm để làm vừa lòng Thượng Đế chỉ là ảo tưởng tôn giáo, là sự phụng sự Thượng Đế một cách giả dối...* Nếu con người tránh xa yêu cầu tối đa đó, thì sự phụng sự Thượng Đế một cách giả dối sẽ không còn có một giới hạn nào nữa"<sup>(6)</sup>. Rằng, nguồn gốc của sự phụng sự giả dối đó, - sự phụng sự mà bản thân Thượng Đế với đầy đủ thẩm quyền có thể đánh giá là tội lỗi, hay thậm chí là sự lãng nhục vô hình đối với mình - được I. Cantor coi là "sự tôn trọng" bắt nguồn từ sự tôn thờ thần

6. I. Cantor. Sđd, tr. 179, 181.



tượng ở thời kì nguyên thủy - tôn thờ “một thực thể vô hình toàn năng, một thực thể buộc phải gây nên ở những con người bất lực một nỗi lo sợ tự nhiên, - nỗi lo sợ xuất hiện từ ý thức về sự bất lực của chính mình”<sup>(7)</sup>. Và, I. Cantơ cho đó là nguyên nhân dẫn đến những biến thể khác nhau của niềm tin tôn giáo.

Có thể nói, với quan niệm đó, I. Cantơ đã làm cho tôn giáo và thần học buộc phải đụng độ với những mâu thuẫn nội tại, sâu sắc nhất của ý thức tôn giáo. Với một sự phê phán nghiêm túc và luận giải sâu sắc, I. Cantơ đã đặt tôn giáo, thần học và cả bản thân ông trước những trở ngại không thể giải quyết được. Song, “mệnh lệnh tuyệt đối” mà I. Cantơ coi là mệnh lệnh đạo đức tối cao - mệnh lệnh mà con người phải “hành động tới mức tối đa” để sao cho các nguyên lí cơ bản của đạo đức học, các quy tắc đạo đức “trở thành các quy luật phổ quát” và “được đưa vào cơ sở lập pháp phổ biến”<sup>(8)</sup> - đã khiến cho thế giới quan tôn giáo phải hứng chịu một cú đòn choáng váng.

Trong học thuyết của I. Cantơ, “niềm tin”, như ở phần trên chúng tôi đã đề cập, được hiểu theo nghĩa triết học khác với niềm tin thông thường, niềm tin dựa trên sự linh cảm về sự tồn tại của Thượng Đế, giống như hi vọng hiện thực khác với hoài bão và niềm tin mù quáng. Nhưng, Thượng Đế - đối tượng hoàn toàn không thích hợp đối với hi vọng hiện thực - cho dù có được mô tả như thế nào đi chăng nữa trong các hệ thống tôn giáo và thần học khác nhau, thì theo I. Cantơ, Thượng Đế đó bao giờ cũng có một quyền lực đối với tương lai - quyền lực cao đến mức không một ai được phép đặt hy vọng vào Thượng Đế. Thượng Đế phán định phải hi

vọng, phải “giao ước” một cách trân trọng với số phận, phải có lòng vị tha mà trong bầu không khí đó, ý thức đạo đức đích thực không thể tồn tại, phát triển với bản chất vốn có của nó.

Với quan niệm này, I. Cantơ coi “sự vô tư” là đặc điểm quan trọng nhất của hành động có đạo đức. Nhưng theo ông, để “sự vô tư” đó xuất hiện trên trần gian thì ở đâu đó trong lịch sử, cần phải xuất hiện bối cảnh mà con người có thể từ bỏ mọi thói ích kỉ, mọi sự toan tính cho lợi ích cá nhân và “biến phúc lợi cao nhất mà thế giới có thể có thành mục đích cuối cùng” của mọi công dân trong xã hội<sup>(9)</sup>.

Cũng với quan niệm ấy (quan niệm triết học độc đáo về niềm tin tôn giáo), I. Cantơ cho rằng, định hướng vào giá trị đạo đức tuyệt đối, định hướng giúp cho con người nhận biết đạo đức đích thực sẽ không bao giờ xuất hiện, nếu trước nó không tồn tại cảm giác về sự vô hi vọng ở mọi khởi nguyên, về tính không thể tiên đoán một cách có nguyên tắc và tính không thể bảo đảm của tương lai. Theo ông, sở dĩ ý thức đạo đức không thể xuất hiện trong các tôn giáo hiện tồn là bởi lẽ, các tôn giáo này đã che đậy tính vô hi vọng của những bối cảnh bi đát và tách những người bảo vệ tôn giáo ra khỏi sự xung đột với “cái hư vô”, với “thế giới không có tương lai”. Song, ở đây, I. Cantơ đã tự mâu thuẫn với chính mình khi vừa thừa nhận ý thức đạo đức không thể xuất hiện trong lòng tôn giáo, thừa nhận tính chất khắc kỉ của những hành động có đạo

7. I. Cantơ. Sđd, tr. 185.

8. I. Cantơ. Tác phẩm gồm 6 tập, Tập 4. Nxb Tư tưởng. Mátxcova 1964, tr. 323.

9. I. Cantơ. Tập 4. Sđd, tr. 11.



đức, vừa giả định rằng, về mặt lịch sử, ý thức đạo đức đã xuất hiện từ tôn giáo, ra đời trong lòng tôn giáo.

Về thực chất, I. Cantor không thể đề ra yêu cầu buộc con người phải tin vào bất cứ cái gì. Ông chỉ đề ra nguyên tắc đạo đức dựa trên cơ sở tôn thờ một "Thượng Đế được quan niệm đúng". Dấu hiệu cơ bản của "Thượng Đế được quan niệm đúng", theo ông, là ở chỗ, Thượng Đế đó cũng cần phải tôn trọng quy luật đạo đức như bất kỳ một người có đạo đức nào. Chính việc đề cao quy luật đạo đức trên tất cả mọi cái có thể có, kể cả ý chí của "đấng sáng thế" đã tạo nên nét độc đáo trong "triết học phê phán" của I. Cantor. Cả con người lẫn Thượng Đế, theo I. Cantor, đều phải phục tùng quy luật đó: Con người - với tư cách là bị can, còn Thượng Đế - với tư cách là quan toà. Thượng Đế không tính đến những điều hiển nhiên về phương diện đạo đức, theo I. Cantor, là không thể chấp nhận được, giống như quan toà vi phạm luật pháp khi tuyên bố một ai đó có tội hay vô tội. Sự tồn tại của Thượng Đế là không thể chấp nhận được khi "Đấng Sáng Thế" này yêu cầu ở con người một cái gì đó phi đạo đức, khi buộc con người phải hành động trái với các quy tắc đạo đức, với ý thức đạo đức của họ.

Xuất phát từ quan niệm đó, I. Cantor cho rằng, thế giới quan tôn giáo đã và đang tồn tại trong lịch sử không thể xây dựng được một toà nhà "Tôn giáo có đạo đức" vững chắc và cân đối. Rằng, thế giới quan đó chỉ đưa "lí tính thực tiễn" (tự ý thức đạo đức) tới những mâu thuẫn không thể giải quyết được, giống như "lí tính lí luận" đã mắc phải khi cố phân tích các tư tưởng siêu hình học.

Khi xây dựng học thuyết về đạo đức trong "triết học phê phán" của mình, ngoài việc coi quy tắc đạo đức là cái có quyền uy tối cao, là "mệnh lệnh tuyệt đối" mà con người phải tuân theo, I. Cantor còn coi *tự do là lí tưởng đạo đức cao đẹp nhất mà nhân loại cần hướng tới*. Tự do, trong quan niệm của I. Cantor, là cái cao quý nhất đối với con người, ngoài nó ra không một cái gì khác khiến cho "mỗi người là mục đích của chính bản thân mình". "Ý chí tự do và ý chí tuân theo các quy luật đạo đức - theo I. Cantor, - là như nhau"<sup>(10)</sup>. *Tự do*, với tư cách một lĩnh vực chủ yếu thuộc về "thế giới vật - tự - nó", cùng với sự bất diệt của linh hồn và Thượng Đế đích thực, trong triết học "phê phán" của I. Cantor, thể hiện ra là lí tưởng hoàn hảo, tuyệt đối của thế giới trần gian mà con người ai cũng phải hướng tới trong đời sống, trong hoạt động của mình, *là niềm tin giúp cho con người thực hiện các quy tắc đạo đức*. Và, chính điều đó đã góp phần đáng kể vào việc tạo dựng những tư tưởng nhân đạo sâu sắc trong "triết học phê phán" của I. Cantor - triết học hướng nhiệm vụ chính của nó vào việc giải quyết những vấn đề mà con người luôn phải băn khoăn, trăn trở trong suốt cuộc đời; hướng con người tới hoạt động cộng đồng, đòi hỏi con người phải biết sống phù hợp với tự nhiên, tôn trọng mình và tôn trọng mọi người, sống theo lẽ phải và tôn trọng mọi người; xác định cho con người một vị trí xứng đáng trong thế giới để từ đó, có thể học được cái điều mà ai cũng phải học để làm người./.

10. I. Cantor. Tập 4. Sđd, tr. 414, 466.